

DANH SÁCH XÉT ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP

Khóa 13(2017-2019); Kỳ thi ngày 9/3/2019

Danh sách này tính đến ngày 18/2/2019

Hướng dẫn xem danh sách:

+ Sinh viên xem DS nêu chưa đủ điều kiện dự thi Tốt nghiệp thì bổ sung ngay các điều kiện còn thiếu trước ngày 22/2/2019. Sau thời hạn trên thì không đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp.

Phần Hồ sơ những ô màu đỏ là còn thiếu; Ô có chữ "T" là đã thi nhưng chưa nộp Chứng chỉ;

+ Mọi thắc mắc liên hệ **trực tiếp ngay** với Phòng đào tạo tại Cơ sở 1 để được hướng dẫn.

STT	HỆ	Ký hiệu ngành	MÃ SỐ HS		HỌ	TÊN	NGÀY/ THÁNG/ NĂM SINH			Điểm kiến tập	Điểm thực tập	Điều kiện dự thi				Hồ sơ sinh viên											
			Môn học									Hồ sơ		BẢNG TN 12; THCS	Giấy CN Tốt nghiệp TT	HỌC BẠ THPT; THCS	CMND	KHAI SINH	KHÁM SỨC KHỎE	PHIẾU NHẬP HỌC	GIẤY TRÚNG TUYỂN	CC ANH VĂN	CC TIN HỌC				
MÃ LỚP	SỐ HS	Đủ điều kiện	Không đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Không đủ điều kiện																						
1	PT	12	171KT2	071	Thái Hữu Bích	Chi	21	9	94	8	8.4	Đủ			Không	C		C	C	C	C	C	C	C	T	T	
2	PT	12	171KT2	018	Trịnh Thị	Hoa	12	6	82	7	8.1	Đủ			Không	C		C	C	C	C	C	C	C	T	T	
3	TC	12	171KT2	114	Phạm Thị	Phương	2	8	95	6c	7.3c	Đủ			Không	C		C	C	C		C		T	T		
4	PT	12	171KT2	129	Trần Văn	Hồng	22	5	93	7	6.7	Đủ			Không	C		C	C			C		T	T		
5	PT	12	171KT2	144	Đinh Thị Mỹ	Duyên	9	10	93	7	7.9	Đủ			Không			C	C		C		C	T	T		
6	PT	12	171KT2	145	Trần Ngọc	Định	25	8	95	8	5.0	Đủ			Không	C		C	C	C	C	C	C	T	T		
7	PT	12	171KT2	158	Hoàng Minh	Chiến	29	4	76	5	8.1	Đủ			Không	C		C	C	C	C	C	C	T	T		
8	PT	12	173KT2	717	Trần Thị Minh	Trang	06	03	95	6	8.0	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C		
9	PT	12	173KT2	721	Trần Mỹ	Duyên	23	05	87	7	8.1	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C		
10	PT	12	173KT2	725	Hà Thị	Yến	10	08	82	6	8.6	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C		
11	PT	12	173KT2	726	Phan Thị	Phượng	12	01	98	6	7.7	Đủ			Không		C		C		C	C	C	C	C		
12	PT	12	173KT2	731	Hà Minh	Dũng	27	03	94	7	7.4	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C		
13	PT	12	173KT2	737	Cao Thị	Giang	24	03	98	7	8.0	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C		
14	PT	12	173KT2	741	Ong Tú	Dinh	07	01	96	8	7.7	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C		
15	PT	12	173KT2	743	Nguyễn Lê Nhã	Phương	19	04	85	8	7.9	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C		
16	PT	12	173KT2	746	Tăng Huỳnh	Như	03	11	93	8	8.2	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C		

STT	HỆ	Ký hiệu ngành	MÃ SỐ HS		HỌ	TÊN	NGÀY/ THÁNG/ NĂM SINH			Điểm kiến tập	Điểm thực tập	Điều kiện dự thi				Hồ sơ sinh viên											
			Môn học									Hồ sơ		BẢNG TN 12; THCS	Giấy CN Tốt nghiệp TT	HỌC BẠ THPT; THCS	CMND	KHAI SINH	KHÁM SỨC KHỎE	PHIẾU NHẬP HỌC	GIẤY TRÚNG TUYỂN	CC ANH VĂN	CC TIN HỌC				
			Đủ điều kiện	Không đủ điều kiện								Đủ điều kiện	Không đủ điều kiện														
17	PT	12	173KT2	747	Trần Tiến	Đạt	17	04	96	7	7.6	Đủ			Không	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C		
18	PT	12	173KT2	748	Trần Thị	Huyền	28	08	99	6	7.9	Đủ			Không		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
19	PT	12	173KT2	749	Lục Thị	Thương	16	06	98	8	8.2	Đủ		Đủ		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
20	PT	12	173KT2	750	Phạm Trần Tiến	Đạt	03	02	97	5	7.3	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
21	PT	12	173KT2	762	Liên Mỹ	Tiên	20	05	98	7	7.8	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
22	ĐH	12	173KT2	782	Lê Đức	Thắng	04	07	85	7	8.5	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
23	PT	12	173KT2	797	Nguyễn Thị Minh	Tâm	15	01	94	8	8.9	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
24	PT	12	173KT2	800	Lý Thanh	Châu	20	10	84	7	5.9	Đủ			Không	C		C	C	C	C	C	C	C	T	T	
25	PT	12	173KT2	801	Nguyễn Thị Tiểu	Nhi	03	08	94	8	8.5	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
26	CS	12	1733KT2	806	Lê Thị Xuân	Hương	02	01	84	7	9.2	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
27	PT	12	173KT2	814	Đỗ Quốc	Công	12	11	91	7	8.1	Đủ			Không	C		C	C	C	C	C	C	C	T	T	
28	TC	12	173KT2	817	Nguyễn Thị	Hoài	20	03	95	7	8.0	Đủ			Không	C		C	C	C		C	C	C	T	T	
29	TC	12	173KT2	819	Nguyễn Thị	Linh	04	02	94	7	8.2	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
30	PT	22	171KK2	109	Trần Duy	Sang	20	6	89	6	8.8	Đủ			Không	C		C	C	C	C	C	C	C	T	T	
31	PT	22	173KK2	756	Phan Trung	Thật	09	02	98	6	7.3	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
32	PT	31	171MR1	138	Nguyễn Thanh	Lộc	19	8	98	7	9.0		Không		Không	C		C	C	C	C	C	C	C	T	T	
33	PT	32	171MR2	027	Nguyễn Thị Đức	Hạnh	22	4	73	7	6.9	Đủ			Không	C			C	C	C	C	C	C	T	T	
34	PT	32	171MR2	032	Lê Vũ Công	Tuấn	10	5	93	7	8.5	Đủ			Không	C		C	C	C	C	C	C	C	C	T	
35	PT	32	171MR2	085	Nguyễn Cao	Phát	28	9	96	6	6.4	Đủ			Không	C		C	C	C		C		T	T		
36	PT	32	171MR2	089	Trịnh Thị Phương	Nhi	12	2	98	6	7.7	Đủ			Không	C		C	C	C		C		T	T		
37	PT	32	171MR2	095	Ngô Quang Ngọc	Việt	20	4	85	8	7.5	Đủ			Không	C		C	C	C	C	C	C	C	T	T	
38	PT	32	171MR2	139	Đinh Văn	Tuấn	28	7	94	6	7.3	Đủ			Không	C		C	C			C	C	T	T		
39	PT	101	171PL1	135	Đinh Minh	Thảo	16	12	84	7	7.8	Đủ			Không						C	C	C	T	T		
40	PT	101	171PL1	137	Hồ Uyên	Uyên	4	7	92	7	8.0	Đủ			Không	C		C	C	C	C	C	C			C	
41	CS	101	1713PL1	408	Sơn Thị Yến	Nhi	9	9	00	5	8.0	Đủ			Không	C		C	C	C	C	C		T	T		

STT	HỆ	Ký hiệu ngành	MÃ SỐ HS		HỌ	TÊN	NGÀY/ THÁNG/ NĂM SINH			Điểm kiến tập	Điểm thực tập	Điều kiện dự thi				Hồ sơ sinh viên													
			Môn học									Hồ sơ		BẢNG TN 12; THCS	Giấy CN Tốt nghiệp TT	HỌC BẠ THPT; THCS	CMND	KHAI SINH	KHÁM SỨC KHỎE	PHIẾU NHẬP HỌC	GIẤY TRÚNG TUYỂN	CC ANH VĂN	CC TIN HỌC						
			MÃ LỚP	SỐ HS								Đủ điều kiện	Không đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Không đủ điều kiện														
42	CD	112	171CB2	030	Bùi Kim	Sa	18	8	91	5	9.3	Đủ			Không	C		C	C	C	C	C	C	C	T	T			
43	PT	112	171CB2	131	Trần Thị Tuyết	Nhung	22	3	95	8	8.8	Đủ			Không	C		C	C	C		C		T	T				
44	PT	112	171CB2	151	Vũ Thị Quỳnh	Chang	5	11	84	5	8.2	Đủ			Không	C			C	C	C	C	C	T	T				
45	PT	122	173DC2	715	Nguyễn Tấn	Trung	23	04	97	6	8.0	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C			
46	PT	122	173DC2	719	Lê Huỳnh	Như	28	12	96	6	8.1	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C			
47	PT	122	173DC2	730	Đoàn Tuấn	Giang	22	04	96	7	7.1	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C			
48	PT	122	173DC2	738	Trần Minh	Hoài	10	09	93	6	7.1	Đủ		Đủ		C		C	C	S	C	C	C	C	C	C			
49	PT	122	173DC2	754	Lê Anh	Phong	15	02	99	7	7.6	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C			
50	TC	122	173DC2	791	Phan Minh	Tân	06	08	86	7	8.5	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C			
51	PT	122	173DC2	808	Nguyễn Đình	Đạt	15	07	94	7	7.1	Đủ			Không	C		C	C	C	C	C	C	T	T				
52	PT	122	173DC2	809	Nguyễn Trung	Dũng	04	11	95	6	7.6	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C			
53	PT	132	173XD2	734	Trần Bình	An	14	02	95	5	6.6	Đủ			Không	C		C	C	C	C	C	C	T	C				
54	PT	132	173XD2	773	Đinh Nhật	Tân	03	12	84	7	7.2	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C			
55	PT	132	173XD2	774	Nguyễn Tấn	Phước	29	07	85	7	7.0	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C			
56	PT	132	173XD2	810	Đỗ Thành	Đạt	03	12	94	5	6.6	Đủ		Đủ		C		C	C	C	C	C	C	C	C	C			
57	TC	142	171TH2	073	Huỳnh Trường	Giang	18	12	92	6	9.0	Đủ			Không	C		C	C	C	C	C	C	T	Miễn				
58	PT	142	171TH2	104	Lê Văn	Dũng	13	12	95	8	8.4	Đủ			Không	C		C		C		C		T	Miễn				

STT	HỆ	Ký hiệu ngành	MÃ SỐ HS		HỌ	TÊN	NGÀY/ THÁNG/ NĂM SINH	Điểm kiến tập	Điểm thực tập	Điều kiện dự thi				Hồ sơ sinh viên									
			MÃ LỚP	SỐ HS						Môn học		Hồ sơ		BẢNG TN 12; THCS	Giấy CN Tốt nghiệp TT	HỌC BẠ THPT; THCS	CMND	KHAI SINH	KHÁM SỨC KHỎE	PHIẾU NHẬP HỌC	GIẤY TRÚNG TUYỂN	CC ANH VĂN	CC TIN HỌC

